

Số: 33 /2024/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 604/TTr-SNV ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Pháp chế Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

QUY ĐỊNH

Về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/ 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn cụ thể theo từng vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là cấp xã); ngành đào tạo theo từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã; tuyển dụng công chức cấp xã; phân cấp quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ cấp xã:

Cán bộ cấp xã bao gồm các vị trí việc làm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã:

Công chức cấp xã bao gồm các vị trí việc làm: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tuyển dụng và quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vị trí việc làm* là công việc gắn với chức danh, chức vụ, số lượng cán bộ, công chức được giao và bố trí số lượng cán bộ, công chức trong từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. *Cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cán bộ cấp xã* là cơ quan được giao thẩm quyền phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, nâng lương, chuyển ngạch, cách chức, cho thôi việc, nghỉ hưu, giải quyết chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ.

3. *Cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với công chức cấp xã* là cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng lương, chuyển ngạch, cho thôi việc, nghỉ hưu, giải quyết chế độ chính sách và khen thưởng, kỷ luật đối với công chức.

4. *Ngành đào tạo* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp được thống kê, phân loại theo quy định.

5. *Nhóm ngành đào tạo* là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn theo phân loại thuộc Danh mục giáo dục đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

6. *Tuyển dụng công chức* là một hoạt động của cơ quan Nhà nước dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật để lựa chọn những công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn vào làm công chức cấp xã thông qua hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc tiếp nhận để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước được giao.

7. *Điều động* là việc cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức đơn vị khác.

8. *Phân cấp trong quản lý Nhà nước* là việc phân công trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền quản lý Nhà nước về cán bộ, công chức cấp xã.

Chương II

CÁN BỘ CẤP XÃ

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể theo từng vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã

1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Độ tuổi: Khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng), trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ cấp xã;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã. Trường hợp quy định của Đảng có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó;

d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. Trường hợp quy định của Đảng có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Độ tuổi: Theo quy định của luật, điều lệ tổ chức và quy định của tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã. Trường hợp luật, điều lệ tổ chức có quy định khác với quy định này thì thực hiện theo quy định của luật, điều lệ đó;

d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. Trường hợp quy định luật, điều lệ tổ chức có quy định khác với quy định này thì thực hiện theo quy định của luật, điều lệ đó;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Độ tuổi: Khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng), trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ cấp xã;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã. Trường hợp luật có quy định khác với quy định này thì thực hiện theo quy định của luật đó;

d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, của pháp luật có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

Điều 5. Nội dung phân cấp quản lý cán bộ cấp xã

1. Quy định số lượng, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ đối với cán bộ cấp xã.
2. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã.
3. Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ cấp xã.
4. Thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp kiêm nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ cấp xã.
5. Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ cấp xã.
6. Thực hiện khen thưởng đối với cán bộ cấp xã.
7. Tiến hành xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã.
8. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về cán bộ cấp xã.
9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ cấp xã.
10. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, quản lý hồ sơ, thẻ cán bộ cấp xã.
11. Các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quản lý đối với cán bộ cấp xã

Việc nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, điều động, luân chuyển; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, điều lệ tổ chức và quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh uỷ Yên Bái. Đồng thời, quy định về thẩm quyền quản lý nhà nước đối với cán bộ cấp xã được thực hiện như sau:

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ
 - a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao số lượng cán bộ cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;
 - b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;
 - c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt các trường hợp cán bộ cấp xã được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;
 - d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá để nâng cao chất lượng cán bộ cấp xã theo quy định;
 - đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã hằng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
 - e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ cấp xã hằng năm theo quy định của pháp luật;
 - g) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ cấp xã theo quy định;
 - h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật;
 - i) Tổng hợp, thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng và các nội dung liên quan đến cán bộ cấp xã theo quy định hoặc yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;
 - k) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và quản lý hồ sơ, thẻ cán bộ cấp xã theo quy định;
 - l) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Tài chính

Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Chính phủ và theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định số lượng cụ thể cán bộ cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Quy định nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm đối với cán bộ cấp xã cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo tất cả các lĩnh vực công tác đều có cán bộ phụ trách và thực hiện nhiệm vụ;

c) Trình Sở Nội vụ thẩm định các trường hợp cán bộ cấp xã được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ cấp xã; thực hiện cho thôi giữ chức vụ, nghỉ hưu đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định chức vụ cán bộ cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng cán bộ, công chức cấp xã bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

đ) Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng cán bộ cấp xã theo quy định; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá để nâng cao chất lượng cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã theo hướng dẫn và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; lập danh sách cử cán bộ cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật;

g) Nhận xét, đánh giá chất lượng cán bộ cấp xã hằng năm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh uỷ Yên Bái;

h) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về cán bộ cấp xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

i) Xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã thuộc thẩm quyền phê chuẩn kết quả bầu theo quy định của pháp luật;

k) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp, thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng và các nội dung liên quan đến cán bộ cấp xã theo quy định hoặc yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;

m) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã lập, quản lý, lưu giữ và bổ sung hồ sơ, thẻ cán bộ cấp xã theo quy định.

n) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền (qua Sở Nội vụ thẩm định) khen thưởng đối với cán bộ cấp xã theo quy định; Quyết định khen thưởng đối với cán bộ cấp xã theo quy định của luật thi đua khen thưởng.

b) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thực hiện chế độ tiền lương, và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chức vụ cán bộ cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng cán bộ, công chức cấp xã bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

c) Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã và các nội dung khác có liên quan đến cán bộ cấp xã theo quy định hoặc yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;

d) Lập, quản lý, lưu giữ và bổ sung hồ sơ cán bộ cấp xã theo quy định.

e) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng khen thưởng đối với cán bộ cấp xã; Quyết định khen thưởng đối với cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

b) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chương III CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ, NGÀNH ĐÀO TẠO THEO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 7. Tiêu chuẩn cụ thể theo từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội như sau:

- a) Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
- b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã. Trường hợp luật có quy định khác với quy định này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

Điều 8. Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã

- 1. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự, tốt nghiệp ngành Quân sự cơ sở.
- 2. Văn phòng - thống kê, tốt nghiệp một trong nhóm ngành hoặc ngành đào tạo sau:
 - a) Nhóm ngành đào tạo: Quản trị - Quản lý; Luật; Công nghệ thông tin; Máy tính; Thống kê; Kinh tế học;
 - b) Ngành đào tạo: Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Quản lý Nhà nước; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước;
- 3. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), tốt nghiệp một trong các nhóm ngành, ngành đào tạo sau:
 - a) Nhóm ngành đào tạo: Quản lý xây dựng; Kiến trúc và quy hoạch; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Thú y;
 - b) Ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa – bản đồ; Bản đồ học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.
- 4. Tài chính - kế toán, tốt nghiệp một trong các nhóm ngành hoặc ngành đào tạo sau:
 - a) Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán;
 - b) Ngành: Tài chính - ngân hàng.
- 5. Tư pháp - hộ tịch, tốt nghiệp nhóm ngành đào tạo: Luật.
- 6. Văn hóa - xã hội, tốt nghiệp một trong các nhóm ngành hoặc ngành đào tạo sau:
 - a) Nhóm ngành đào tạo: Công tác xã hội; Báo chí và truyền thông; máy tính; Công nghệ thông tin; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Thống kê;
 - b) Ngành đào tạo: Quản lý Văn hóa; Văn hóa học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Việt Nam học; Quản lý thông tin; Giáo dục học; Bảo tàng học; Du lịch; Quản lý thể dục - thể thao; Dân tộc học; Tôn giáo học; Xã hội học; Kinh tế; Chính sách công; Quản trị nhân lực; Quản lý Nhà nước.

7. Ngoài các ngành đào tạo, nhóm ngành đào tạo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các ngành đào tạo đã được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng vị trí việc làm công chức cấp xã để lựa chọn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định trong từng kỳ tuyển dụng.

8. Quy định nhóm ngành, ngành đào tạo theo từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã, ngoài việc áp dụng để thực hiện tuyển dụng còn làm cơ sở để thực hiện việc điều động, luân chuyển, tiếp nhận, bố trí, phân công nhiệm vụ và xếp lương đối với công chức cấp xã.

Mục 2

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 9. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng công chức được giao theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng (qua Sở Nội vụ thẩm định) để làm căn cứ trước mỗi kỳ tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng công chức cấp xã được giao và số lượng công chức chưa sử dụng của từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển ở từng vị trí việc làm;

c) Số lượng công chức cấp xã, vị trí việc làm tuyển dụng riêng đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển;

d) Số lượng công chức cấp xã, vị trí việc làm thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng theo quy định;

đ) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể yêu cầu về thang điểm kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức (nếu có); yêu cầu về ngoại ngữ dự thi đối với từng vị trí việc làm (nếu có);

e) Hình thức và nội dung tuyển dụng (thi tuyển hoặc xét tuyển); Trường hợp thi tuyển thì xác định rõ hình thức tổ chức thi môn nghiệp vụ chuyên ngành;

g) Các nội dung khác (nếu có).

3. Kế hoạch tuyển dụng khi xét tuyển đối với nhóm đối tượng là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Điều 10. Phương thức tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thi tuyển:

Tổ chức thi tuyển đối với người đăng ký dự tuyển chức danh công chức cấp xã: Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội.

2. Xét tuyển:

Việc tuyển dụng công chức cấp xã thông qua hình thức xét tuyển do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

- a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- b) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;
- c) Đối với vị trí việc làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 7 Quy định này và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

3. Ngoài phương thức tuyển dụng thông qua thi tuyển và xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.

Điều 11. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

1. Người có đủ các điều kiện sau đây (không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, loại hình đào tạo) được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã.

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có lý lịch rõ ràng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- d) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí việc làm công chức cấp xã;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- g) Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật và báo cáo bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này.

3. Đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

4. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 12. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã (sau đây viết tắt là Hội đồng tuyển dụng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ;

d) Các Ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số phòng, ban, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Căn cứ vào hình thức tuyển dụng và yêu cầu công việc quyết định việc thành lập bộ phận giúp việc phù hợp trong các bộ phận sau: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban phỏng vấn; Quyết định số lượng thành viên tham gia các ban phù hợp với số lượng thí sinh dự thi. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

d) Báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng tuyển dụng, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi tuyển và xét tuyển công chức cấp xã trong cùng một kỳ tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập một Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

5. Không bố trí những người có quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột của người dự tuyển; những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; những người đã bị xử lý về hành vi tham nhũng, tiêu cực làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

Điều 13. Các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng

1. Các bộ phận giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển của Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã, Tổ thư ký giúp việc, Tổ in sao đề thi thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương I, Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

2. Đối với Ban phỏng vấn do Chủ tịch Hội đồng thành lập để tổ chức việc phỏng vấn, gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký.

a) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng ban phỏng vấn:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng tổ chức việc phỏng vấn đúng quy định; tổ chức thực hiện việc phỏng vấn, chấm điểm phỏng vấn theo nguyên tắc mỗi thí sinh dự thi phải có ít nhất từ 02 thành viên trở lên chấm điểm; tổng hợp kết quả điểm phỏng vấn kèm theo từng phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh, đựng trong túi dán kín, niêm phong và bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng; giữ bí mật kết quả điểm phỏng vấn.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban phỏng vấn:

Tổ chức phỏng vấn và chấm điểm thí sinh theo đúng đáp án, hướng dẫn chấm điểm, thang điểm của đề phỏng vấn; chấm điểm thực hành theo quy định; báo cáo các dấu hiệu vi phạm trong quá trình tổ chức phỏng vấn với Trưởng ban phỏng vấn và kiến nghị hình thức xử lý; giữ bí mật kết quả điểm phỏng vấn, thực hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban phỏng vấn về nhiệm vụ được phân công.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên kiêm Thư ký Ban phỏng vấn:

Thực hiện nhiệm vụ ghi biên bản các cuộc họp của Ban phỏng vấn và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban phỏng vấn; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban phỏng vấn về nhiệm vụ được phân công.

d) Tiêu chuẩn của người được cử tham gia Ban phỏng vấn:

Người được cử tham gia Ban phỏng vấn là công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức, do Chủ tịch Hội đồng quyết định; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực và phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển hoặc yêu cầu của ngạch công chức dự thi; người được cử tham gia Ban phỏng vấn không được tham gia Ban đề thi; Ban coi thi.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã

1. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Mục 1, Mục 2, Mục 3, Chương II của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Đối với người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Chính phủ về kiểm định chất lượng đầu vào công chức mà tham gia thi tuyển công chức cấp xã thì không phải thực hiện thi vòng 1 theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Nội quy kỳ tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Điều 15. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

- a) Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;
- c) Người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã (trừ hình thức kỷ luật bãi nhiệm);
- d) Người đã từng là cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Căn cứ yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn của vị trí việc làm và điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã, không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng, của pháp luật và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều này phải có đủ 05 năm công tác trở lên theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không tính thời gian tập sự, thử việc, nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) làm công việc có yêu cầu trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận;

b) Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển bằng văn bản đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ; không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến.

3. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức như sau:

a) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo quy định hiện hành được lập trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận;

d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận.

4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

Xây dựng nội dung sát hạch phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hình thức sát hạch là vấn đáp;

Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

c) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Tổ thư ký giúp việc trong trường hợp cần thiết;

Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận công chức cấp xã theo thẩm quyền.

đ) Không bố trí những người có quan hệ là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng); cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột của người dự tuyển; những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; những người đã bị xử lý về hành vi tham nhũng, tiêu cực làm thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

5. Không thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch đối với các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức cấp xã quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch tiếp nhận công chức cấp xã (qua Sở Nội vụ thẩm định) và báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý.

Điều 16. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Điều 36 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

2. Giao Sở Nội vụ tham gia giám sát các kỳ tuyển dụng công chức cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bảo đảm theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 36 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ tài liệu

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ tài liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Mục 3

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 18. Nội dung phân cấp quản lý công chức cấp xã

1. Quy định số lượng, tiêu chuẩn cụ thể, ngành đào tạo, nhiệm vụ đối với công chức cấp xã.
2. Tuyển dụng đối với công chức cấp xã.
3. Điều động, chuyển công tác và tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn này đến làm việc ở xã, phường, thị trấn khác.
4. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch đối với công chức cấp xã.
5. Đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức cấp xã.
6. Thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp kiêm nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với công chức cấp xã.
7. Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức cấp xã.
8. Thực hiện khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã.
9. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công chức cấp xã.
10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã.
11. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, quản lý hồ sơ, thẻ công chức cấp xã.
12. Các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã.

Điều 19. Thẩm quyền quản lý công chức cấp xã

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ
 - a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định số lượng công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện bảo đảm theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;
 - b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn cụ thể, ngành đào tạo phù hợp theo từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã;
 - c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã hằng năm theo quy định; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và xây dựng các đề thi tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định;
 - d) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt các trường hợp công chức cấp xã được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

đ) Thống nhất ý kiến bằng văn bản đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trong cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh; thống nhất ý kiến bằng văn bản đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc chuyển công tác đối với công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác về;

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã theo quy định; tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã hằng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ công chức cấp xã; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá để nâng cao chất lượng công chức cấp xã theo quy định;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức cấp xã hằng năm; lập và quản lý hồ sơ, thẻ công chức cấp xã theo quy định;

i) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng đối với công chức cấp xã theo quy định;

k) Thanh tra, kiểm tra các nội dung quản lý đối với công chức cấp xã, gồm: Quyết định số lượng và bố trí số lượng theo từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng, điều động, chuyển công tác; tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

l) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

m) Tổng hợp, thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng và các nội dung liên quan đến công chức cấp xã theo quy định hoặc yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;

n) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Tài chính

Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Chính phủ và theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định số lượng cụ thể công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Quy định nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm đối với công chức cấp xã cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo tất cả các lĩnh vực công tác đều có công chức phụ trách và thực hiện;

c) Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm căn cứ tổ chức mỗi kỳ tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định; tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và Quy định này; báo cáo kết quả tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý;

d) Trình Sở Nội vụ thẩm định các trường hợp công chức cấp xã được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với công chức cấp xã; thực hiện cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật; quyết định chức danh công chức được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng cán bộ, công chức bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

đ) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã theo hướng dẫn và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; lập danh sách cử công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng; tạo điều kiện để công chức cấp xã thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đạt chuẩn theo quy định;

e) Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức cấp xã hằng năm theo quy định;

h) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp, thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng và các nội dung liên quan đến công chức cấp xã theo quy định hoặc yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;

l) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã lập, quản lý, lưu giữ và bổ sung hồ sơ, thẻ công chức cấp xã theo quy định;

m) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định việc điều động công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn này chuyển sang làm việc ở xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện; Quyết định việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trong cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; Quyết định việc chuyển công tác đối với công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác đến sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ nơi chuyển công tác và nơi tiếp nhận;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng đối với công chức cấp xã (qua Sở Nội vụ thẩm định); quyết định khen thưởng đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

c) Tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xây dựng nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hằng năm theo quy định;

b) Trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức cấp xã hằng năm theo quy định của pháp luật;

c) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chức danh công chức cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng cán bộ, công chức bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

d) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thực hiện chế độ tiền lương, và các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

đ) Lập danh sách cử công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng; tạo điều kiện để công chức cấp xã thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, tạo nguồn đối với công chức cấp xã theo quy định;

e) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng công chức cấp xã và các nội dung liên quan đến công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý;

i) Lập, quản lý, lưu giữ và bổ sung hồ sơ, thẻ công chức cấp xã theo quy định;

k) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng đối với công chức cấp xã; quyết định khen thưởng đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

b) Thực hiện các công tác khác liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Cán bộ, công chức cấp xã đang giữ chức vụ, chức danh theo quy định mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì trong thời hạn chậm nhất đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2028 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy định này. Hết thời hạn nêu trên mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.